TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 395/2024/DS-PT
Ngày: 06/8/2024
V/v tranh chấp quyền về lối đi qua

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng
Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn
Bà Nguyễn Thị Rẻn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Trung - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 219/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 về "Tranh chấp quyền về lối đi qua".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2024/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2687/2024/QĐPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:*
1.Ông Nguyễn Duy N, sinh năm 1978;
2.Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1978;
Cùng địa chỉ: 4, ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.
- *Bị đơn:*
1.Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1956;
2.Ông Lê Văn M, sinh năm 1955;
Cùng địa chỉ: 1, ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Văn M, bà Huỳnh Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày:

Hiện tại ông Nguyễn Duy N, bà Trần Thị Thu H là người đứng tên quyền sử dụng và đang quản lý, sử dụng thửa đất cùng căn nhà tọa lạc trên thửa đất số 109, tờ bản đồ số 02 tại xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Để đi ra lối đi công cộng thì từ trước đến nay ông N, bà H sử dụng lối đi có chiều ngang khoảng 1m, chiều dài khoảng 30m đi qua phần đất thuộc thửa đất số 90 của ông Nguyễn Ngọc T dài khoảng 07m, rồi đến đất bà Huỳnh Thị C và chồng là ông Lê Văn M đứng tên thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Lối đi hiện trạng là đường bê tông, đường này do bà H, ông N xây dựng. Ông N, bà H sử dụng lối đi qua đất của bà C, ông M từ năm 2008 đến khoảng tháng 02/2024 thì bên bà C, ông M rào chắn lại bằng trụ đá và lưới B40 chiều ngang khoảng 01m chắn ngang không cho ông N, bà H đi ra lối đi chung. Hiện tại ông N, bà H, các con của bà H phải đi tạm qua đất của ông Nguyễn Huy B (Nguyễn Huy B) để ra lối đi chung, việc đi lại gặp nhiều khó khăn do chỉ đi tạm thời, việc thu hoạch và bán trái cây (mít trái) gặp nhiều khó khăn do không thể vận chuyển bằng đường xe.

Ông Nguyễn Duy N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Thị C và ông Lê Văn M phải mở cho ông bà lối đi có chiều ngang khoảng 01m, chiều dài khoảng 30m, diện tích khoảng 30m^2 thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà C, ông M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Kết quả đo đạc hiện trạng lối đi có diện tích là 20,5m^2, ông N không đồng ý bồi thường giá trị quyền sử dụng của phần đất mở lối đi cho bà C, ông M vì trước đây vào ngày 09/11/2008 ông và bà Huỳnh Thị C có làm văn bản có tên "*Tờ hợp đồng nhượng lối đi*", ông, bà đã trả cho bà C số tiền 2.000.000 đồng để được sử dụng lối đi vĩnh viễn, số tiền này cũng tương đương giá trị quyền sử dụng đất vào thời điểm khởi kiện năm 2024.

Việc bà C cho rằng ông N, bà H có lối đi mới đổ bằng bêtông mới đổ trước ngày 15/5/2024 qua đất ông Nguyễn Huy B, đường rộng khoảng 01 mét đi rất thuận lợi vào nhà ông là đúng tuy nhiên đây là đường ông thuê đất của ông Nguyễn Huy B (Nguyễn Huy B) tuy nhiên hai bên không có làm giấy tờ chỉ nói miệng để đi chờ Tòa án giải quyết vì sau khi Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, bà C và ông M tiếp tục rào lại ông và gia đình không còn đường nào khác để đi bắt buộc phải thuê lối đi tạm. Ngoài ra ông yêu cầu Tòa án ra quyết định hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định" theo quy định tại khoản 12 Điều 114 và Điều 127 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đối với biện pháp khẩn cấp tạm thời số

05/2024/QĐ-BPKCTT ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Theo đơn khởi kiện, đơn đề nghị hòa giải vắng mặt ngày 20/5/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thu H có lời trình bày:

Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện ban đầu, bà thống nhất với lời trình bày của ông N.

Theo văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị C có lời trình bày:

Bà không đồng ý mở lối đi vì hiện ông Nguyễn Duy N, bà Trần Thị Thu H hiện có lối đi mới đổ bằng bêtông trước ngày 15/5/2024 qua đất ông Nguyễn Huy B, đường rộng khoảng 01 mét đi rất thuận lợi vào nhà ông Nguyễn Duy N, bà Trần Thị Thu H.

Theo biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn M có lời trình bày trình bày:

Đất này của bà C, bà C có quyền cho đi hay không cho đi, ông không có ý kiến.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2024/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy N, bà Trần Thị Thu H đối với bị đơn bà Huỳnh Thị C, ông Lê Văn M về việc "Tranh chấp quyền về lối đi qua".

Buộc bà Huỳnh Thị C, ông Lê Văn M phải có nghĩa vụ mở cho các nguyên đơn ông Nguyễn Duy N, bà Trần Thị Thu H một lối đi qua đo đạc thực tế có diện tích 20,5m^2 thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà C, ông M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lối đi có tứ cận:

Đông giáp thửa đất số 90, tờ bản đồ số 2;

Tây giáp đường đi;

Nam giáp phần còn lại thửa 110, tờ bản đồ số 02;

Bắc giáp thửa đất số 90, tờ bản đồ số 2;

(*Có kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất kèm theo là bộ phận không thể tách rồi bản án*).

Buộc bà Huỳnh Thị C, ông Lê Văn M phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời hàng rào tạm có kết cấu gồm 02 trụ đá chôn chân dựng đứng và 01 trụ đá nằm ngang

dưới chân rào, kéo lưới B40, chiều rộng khoảng 01m, chiều cao khoảng 1,2m, hàng rào nằm ở vị trí thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre để mở lối đi cho nguyên đơn.

Ông Nguyễn Duy N, bà Trần Thị Thu H không phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị C, ông Lê Văn M.

Ông Nguyễn Duy N, bà Trần Thị Thu H có quyền sử dụng đất hạn chế đối với diện tích mở lối đi và tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định.

Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị C, ông Lê Văn M đối với phần đất mở lối đi qua đo đạc thực tế có diện tích 20,5m^2 thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà C, ông M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2024/QĐ-BPKCTT ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí định giá và án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/6/2024, bị đơn ông Lê Văn M, bà Huỳnh Thị C kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày hiện nay nguyên đơn đã có lối đi khác qua đất ông B. Nguyên đơn cho rằng do bị đơn rào lối đi đang tranh chấp nên nguyên đơn nhờ đi tạm chờ kết quả giải quyết của Tòa án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng của các bên đương sự, xét kháng cáo của bị đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn còn trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 285, Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ông Nguyễn Duy N, bà Trần Thị Thu H yêu cầu hộ bà Huỳnh Thị C, ông Lê Văn M mở lối đi diện tích 20,5m^2 thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà C, ông M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lối đi hiện trạng là đường bê tông, đường này do bà H, ông N xây dựng từ năm 2008 đến tháng 02/2024 thì bên bà C, ông M rào chắn lại bằng trụ đá và lưới B40 chiều ngang khoảng 01m, chắn ngang không cho ông N, bà H đi ra lối đi chung.

[2.2] Xét thấy ông N, bà H là người đứng tên quyền sử dụng và đang quản lý, sử dụng thửa đất cùng căn nhà tọa lạc trên thửa đất số 109, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Để đi ra lối đi công cộng thì từ trước đến nay ông N, bà H sử dụng lối đi qua đất bà C và chồng là ông M đứng tên thuộc thửa 110, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà C không đồng ý mở lối đi vì cho rằng hiện ông N, bà H hiện có lối đi mới đổ bằng bêtông trước ngày 15/5/2024 qua đất ông Nguyễn Huy B, đường rộng khoảng 01 mét đi rất thuận lợi vào nhà ông N, bà H.

[2.3] Đất của nguyên đơn hiện bị vây bọc bởi các chủ sử dụng khác trong đó có bị đơn, theo kết quả xem xét thẩm định tại chổ ngày 04/4/2024, phía bị đơn đã kéo hàng rào kết cấu bằng lưới B.40, trụ đá xanh để rào lối đi theo hiện trạng không cho nguyên đơn đi qua.

[2.4] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn mở một lối đi qua phần đất bị đơn, đo đạc thực tế có diện tích 20,5m^2 thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 2 là đã ra đến lối đi chung nhiều hộ trong khu vực đồng thời lối đi yêu cầu mở nằm cặp ranh đất của bị đơn. Vì vậy, nguyên đơn cho rằng đây là lối đi thuận tiện nhất để ra đường công cộng là có cơ sở.

[2.5] Đối với lối đi mới đổ bằng bêtông trước ngày 15/5/2024 qua đất ông Nguyễn Huy B, đường rộng khoảng 01 mét mà bị đơn đưa ra ý kiến để phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì theo nguyên đơn đây là lối đi tạm thời chờ Tòa án giải quyết vì sau khi Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, bà C và ông M đã tiếp tục rào lại nên các nguyên đơn rõ ràng không còn đường nào khác để đi bắt buộc phải thuê lối đi tạm. Lời trình bày của nguyên đơn ông N là có căn cứ.

[2.6] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chổ ngày 04/4/2024 có ghi ý kiến của ông Nguyễn Ngọc T (Ông T trình bày: Đối với phần lối đi hiện trạng dài khoảng 08m nối liền với lối đi tranh chấp của bà C thì ông T vẫn cho đi không tranh chấp, riêng đối với phần đất của ông thửa 90 kế cận lối đi tranh chấp thì ông đã bán cho Nguyễn Thị Cẩm C1 nên ông không còn quyền, bà C1 mở lối đi hay không là do quyền của bà) và bà Nguyễn Thị Cẩm C1 (Bà Nguyễn Thị Cẩm C1 trình bày: bà đã mua thửa đất số 90 của ông Nguyễn Ngọc T thì bà vẫn cho ông N, bà H đi như hiện trạng lối đi cũ dài khoảng 08m, lúc ông T cho đi, chứ bà không cho phát sinh lối đi mới kể cả thương lượng bán).

[2.7] Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ về vị trí, đặc điểm, diện tích lối đi do nguyên đơn yêu cầu là thuận tiện nhất cho việc đi lại, ít gây thiệt hại cho các bên và phù hợp với quy định tại Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015. Các căn cứ bị đơn bà C đưa ra để không chấp nhận mở lối đi cho nguyên đơn là không phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Việc sử dụng lối đi của nguyên đơn là xuất phát trên mối quan hệ thân tộc. Trong đó chủ đất cũ là ông Nguyễn Duy K (Ông K là ông ngoại bà C và là ông nội ông Nguyễn Duy T1 - tên gọi khác 3 C - và là ông cố nguyên đơn ông Nguyễn Duy N, ông N là con ông Nguyễn Duy T1) đã cắt đất từng phần chia đất cho con cháu đời sau. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không buộc nguyên đơn bồi thường giá trị đất khi mở lối đi là phù hợp.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Toà án sơ thẩm đã xem xét toàn diện đầy đủ các yêu cầu của các đương sự và giải quyết vụ án phù hợp quy định của pháp luật, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn M, bà Huỳnh Thị C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2024/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 254 Bộ luật dân sự; Điều 171 Luật đất đai; các Điều 26, 35, 39, 112, 138, 142, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; cụ thể tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy N, bà Trần Thị Thu H đối với bị đơn bà Huỳnh Thị C, ông Lê Văn M về việc "*Tranh chấp quyền về lối đi qua*".

Buộc bà Huỳnh Thị C, ông Lê Văn M phải có nghĩa vụ mở cho các nguyên đơn ông Nguyễn Duy N, bà Trần Thị Thu H một lối đi qua đo đạc thực tế có diện tích 20,5m^2 thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà C, ông M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lối đi có tứ cận:

Đông giáp thửa đất số 90, tờ bản đồ số 2;

Tây giáp đường đi;

Nam giáp phần còn lại thửa 110, tờ bản đồ số 02;

Bắc giáp thửa đất số 90, tờ bản đồ số 2;

(*Có kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất kèm theo là bộ phận không thể tách rồi bản án*).

Buộc bà Huỳnh Thị C, ông Lê Văn M phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời hàng rào tạm có kết cấu gồm 02 trụ đá chôn chân dựng đứng và 01 trụ đá nằm ngang dưới chân rào, kéo lưới B40, chiều rộng khoảng 01m, chiều cao khoảng 1,2m, hàng rào nằm ở vị trí thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre để mở lối đi cho nguyên đơn.

Ông Nguyễn Duy N, bà Trần Thị Thu H không phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị C, ông Lê Văn M.

Ông Nguyễn Duy N, bà Trần Thị Thu H có quyền sử dụng đất hạn chế đối với diện tích mở lối đi và tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định.

Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị C, ông Lê Văn M đối với phần đất mở lối đi qua đo đạc thực tế có diện tích 20,5m^2 thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà C, ông M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2024/QĐ-BPKCTT ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị C, ông Lê Văn M được miễn án phí.

- Trả lại cho ông Nguyễn Duy N, bà Trần Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001462 ngày 04/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

3. Về chi phí tố tụng 2.894.000 đồng nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Lê Văn M, bà Huỳnh Thị C là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng